

TS. NGUYỄN XUÂN MINH

**LỊCH SỬ VIỆT NAM
1945 - 2000**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 2006

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:

NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập :

NGUYỄN QUÝ THAO

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại TP. Hà Nội

NGUYỄN XUÂN HÒA

Biên tập nội dung và sửa bản in :

TRẦN THÁI HÀ

Trình bày bìa:

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chế bản:

GIA HÙNG

ĐƠN VỊ LIÊN DOANH IN VÀ PHÁT HÀNH:
TRUNG TÂM SÁCH KHUYẾN HỌC TẠI TP. HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Cách mạng tháng tám năm 1945 thành công đã mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Trong hơn 60 năm qua, nhân dân ta đã đấu tranh oanh liệt giành độc lập tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo nên những biến đổi rất to lớn và sâu sắc bộ mặt của đất nước.

Việc nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000 có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, bởi lẽ thời kì này giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển của dân tộc Do vậy, từ trước tới nay, nhiều tập giáo trình và các sách chuyên khảo về thời kì lịch sử này đã được lần lượt công bố, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy ở các trường sư phạm và khoa học xã hội nhân văn. Tuy nhiên, trên nền chung của một chương trình thống nhất, mỗi trường đều có những yêu cầu cụ thể riêng, nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Tập Giáo trình Lịch sử Việt Nam 1945 - 2000 được biên soạn nhằm phục vụ yêu cầu đào tạo của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Căn cứ vào phương hướng cơ bản của chương trình giảng dạy Lịch sử Việt Nam trong các Khoa Lịch sử ở các trường Đại học Sư phạm nước ta hiện nay tập Giáo trình Lịch sử Việt Nam 1945 - 2000 được biên soạn một cách hệ thống, tương đối toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội và mang tính cập nhật. Những sự kiện lịch sử quan trọng diễn ra trên địa bàn miền núi phía Bắc được tác giả trình bày khá cụ thể, giúp cho sinh viên có điều kiện thuận lợi trong học tập và nghiên cứu. Một số sự kiện lịch sử và nhận định theo quan điểm mới cũng được thể hiện trong tập Giáo trình này.

Nội dung chương trình Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000 gồm 9 đơn vị học trình (135 tiết), được cấu trúc thành

3 phần:

Phần I: Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), gồm 4 đơn vị học trình (60 tiết).

Phần II: Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), gồm 4 đơn vị học trình (60 tiết).

Phần III: Việt Nam trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 - 2000), gồm 1 đơn vị học trình (15 tiết). Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000 chứa đựng nội dung rất rộng lớn và phong phú, trong đó có nhiều vấn đề còn mang tính thời sự.

Trong quá trình hoàn thiện tập Giáo trình này, chúng tôi đã nhận được những ý kiến đóng góp hết sức quý báu của một số đồng nghiệp, đặc biệt là của PGS.TS Trần Bá Đệ. Chúng tôi chân thành cảm ơn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song với khả năng có hạn nên trong quá trình biên soạn, chúng tôi không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Hi vọng sẽ nhận được ý kiến đóng góp chân thành của các bạn đồng nghiệp và sinh viên để có những tập giáo trình mới đạt chất lượng cao hơn.

Thái Nguyên, tháng 10 năm 2006

Tác giả

PHẦN I

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP GIÀNH VÀ BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1945 - 1954)

Chương I

VIỆT NAM TRONG HƠN MỘT NĂM ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (9/1945 - 12/1946)

Chương I nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến. Thời gian này, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn thử thách. Xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, diệt giặc đói, diệt giặc dốt, khắc phục khó khăn về tài chính là những nhiệm vụ cấp bách lúc này cần được giải quyết đồng thời với đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản để bảo vệ chính quyền, giữ vững thành quả cách mạng và chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

I- Tình hình Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai và Cách mạng tháng Tám 1945.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một loạt nước ở Trung, Đông Âu được giải phóng, lập nên chế độ dân chủ nhân dân và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội từ một nước là Liên Xô đã trở thành hệ thống thế giới gồm nhiều nước và là chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cùng với sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở nhiều nước châu Á, châu Phi cũng ngày một dâng cao. Nhân dân các nước Lào, Campuchia, Mianma, Ấn Độ, Philippin, Malaixia... đứng lên đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp, Mĩ, Hà Lan... giành độc lập. Lực lượng cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã giải phóng được một phần lục địa phía Bắc với gần 100 triệu dân (trong tổng số 450 triệu), nhưng lực lượng phản cách mạng Quốc Dân đảng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu vẫn còn khá mạnh (1,6 triệu quân) và cuộc nội chiến giữa hai lực lượng bắt đầu diễn ra quyết liệt.

Ở châu Âu, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở một số nước, như Pháp, Ý... , giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi tăng lương, giảm giờ làm, ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa. Sau Chiến tranh, trong khi nền kinh tế của các nước tư bản châu Âu bị tàn phá nặng nề, thì Mĩ trở thành một nước mạnh nhất về kinh tế (chiếm 52% tổng sản phẩm xã hội của thế giới) và nắm độc quyền vũ khí hạt nhân. Với sức mạnh về kinh tế, khoa học - kĩ thuật và quân sự đế quốc Mĩ ráo riết thực hiện âm mưu làm bá chủ thế giới. Cùng với việc tăng cường chạy đua vũ trang, cuộc "*chiến tranh lạnh*" do Mĩ gây ra nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa diễn ra ngày càng quyết liệt.

Như vậy, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mâu thuẫn chủ yếu giữa một bên là hệ thống xã hội chủ nghĩa cùng các lực lượng đấu tranh cho độc lập dân tộc dân chủ, hoà bình và tiến bộ xã hội với một bên là phe đế quốc do Mĩ cầm đầu nổi lên ngày càng sâu sắc. Tất cả tình hình trên đã tác động trực tiếp đến cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập của nhân dân Việt Nam.

Sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, dân tộc Việt Nam bước vào kỉ nguyên mới - *kỉ nguyên độc lập tự do*. Nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và

bước đầu được hưởng những quyền lợi do cách mạng đem lại. Họ hiểu rõ giá trị thiêng liêng của những quyền lợi ấy, một lòng gắn bó và quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng. Đây chính là nguồn sức mạnh vô tận giúp cho Nhà nước cách mạng còn đang trong thời kì trứng nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Sau Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh phát triển rất nhanh chóng. Các Hội Cứu quốc trong công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ được tổ chức thống nhất trong cả nước. Nhiều Hội Cứu quốc mới ra đời, tập hợp thêm những tầng lớp yêu nước còn đứng ngoài Mặt trận, như Công thương Cứu quốc, Phật giáo Cứu quốc, Đoàn Hướng đạo Cứu quốc, Đoàn sinh viên Cứu quốc... Mặt trận Việt Minh thực sự trở thành ngọn cờ đoàn kết toàn dân rộng rãi, giữ vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân.

Thực hiện chủ trương vũ trang toàn dân, nhân dân ta tích cực xây dựng lực lượng. Chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng vũ trang bao gồm các đơn vị Giải phóng quân và các đội tự vệ chiến đấu phát triển nhanh chóng. Dù trang bị vũ khí còn rất thô sơ và thiếu thốn, lại chưa có nhiều kinh nghiệm tác chiến, nhưng cán bộ và chiến sĩ trong các đơn vị vũ trang đều có tinh thần chiến đấu dũng cảm, là lực lượng chủ chốt trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng.

Trải qua 15 năm đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo (1930 - 1945), truyền thống đoàn kết, bất khuất của dân tộc ta càng được phát huy cao độ; Đảng ta ngày càng trưởng thành, bắt rễ sâu vào quần chúng và thêm dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo. Sau khi đất nước được độc lập, Đảng kịp thời mở rộng đội ngũ, đào tạo cán bộ, tăng cường sự lãnh đạo trên mọi mặt hoạt động, chuẩn bị tổ chức cho toàn dân bước vào cuộc đấu tranh mới.

Đứng đầu Đảng và Nhà nước cách mạng là vị lãnh tụ thiên tài, có uy tín tuyệt đối trong toàn dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh tượng trưng cho linh hoa của dân tộc, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam. Cuộc đời hoạt động cách mạng

phong phú cùng với uy tín rộng lớn của Người là ngọn cờ tập hợp các tầng lớp nhân dân xung quanh Đảng và Chính phủ.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, Nhà nước cách mạng Việt Nam, ngay sau khi ra đời, đã phải đứng trước một tình thế hết sức hiểm nghèo.

Nền kinh tế nước ta chủ yếu là nông nghiệp với trình độ lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, thiên tai thường xuyên xảy ra. Trận lụt lớn hồi tháng 8 - 1945 làm vỡ đê ở 9 tỉnh Bắc Bộ, khiến 1/3 diện tích canh tác bị hư hại nặng. Sự thiệt hại do trận lụt này gây ra ước tính khoảng 2.000 triệu đồng, tương đương khoảng 3 triệu tạ gạo (theo giá lúc đó). Ba tỉnh vùng Bắc Trung Bộ là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh cũng bị mất mùa trên khoảng một nửa diện tích. Sau lụt là hạn hán kéo dài làm cho 50% diện tích ruộng đất ở Bắc Bộ không cày cấy được. Các ngành kinh tế bị đình đốn nghiêm trọng. Nhiều cơ sở công nghiệp chưa đi vào hoạt động. Hàng vạn công nhân thất nghiệp. Riêng ngành khai mỏ than, năm 1940 có 39.500 công nhân, khai thác được 2.500.000 tấn; đến năm 1945 chỉ còn lại 4.000 công nhân với sản lượng khai thác là 231.000 tấn¹. Việc buôn bán với nước ngoài hầu như bị đình trệ. Hàng hoá trên thị trường khan hiếm. Nguy cơ nạn đói mới xuất hiện trong khi hậu quả nạn đói lớn do Nhật - Pháp gây ra từ cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục. Đời sống nhân dân bị đe dọa nghiêm trọng.

Nền tài chính của Nhà nước cách mạng trong buổi đầu hết sức kiệt quệ. Ngân sách quốc gia lúc đó chỉ có 1.230.000 đồng, trong đó quá nửa là tiền rách. Các khoản thu từ thuế giảm sút. Thuế quan là một nguồn thu chính, chiếm 3/4 ngân sách Đông Dương, giờ đây sụt hẳn xuống. Một số chính sách thuế mới do

Chính phủ ban hành nhằm giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân

1. Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945 - 1955*. Hà Nội 2004, tr. 36.

(bãi bỏ thuế thân, thuế môn bài,

thuế xe tay, xe đạp, miễn thuế điền thổ cho những vùng bị ngập lụt và giảm 20% trong toàn quốc...) cũng làm cho nguồn thu ngân sách giảm xuống rất nhiều. Trong khi nguồn thu quá ít ỏi không thể đáp ứng được nhu cầu chi lớn thì Nhà nước lại chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương. Bên cạnh đó, khi kéo vào nước ta, quân Tưởng lại tung ra trên thị trường giấy bạc "Quan kim" và "Quốc tệ" đã mất giá trị, càng làm cho tình hình tài chính và thương mại thêm phức tạp.

Cùng với khó khăn về kinh tế, tài chính, chế độ thực dân - phong kiến để lại một di sản văn hoá hết sức lạc hậu. Thực dân Pháp chăm lo xây dựng nhà tù hơn là trường học. Vì thế, hơn 90% dân số nước ta mù chữ. Trước năm 1945, cả nước ta chỉ có 737 trường tiểu học với khoảng 623.000 học sinh, 65 trường cao đẳng tiểu học với 16.700 học sinh và chỉ có 3 trường phổ thông trung học với 652 học sinh. Bên cạnh nạn thất học là các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút... tồn tại rất phổ biến. Bệnh dịch hoành hành ở nhiều nơi...

Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới ra đời, chưa có kinh nghiệm quản lí. Ở một số nơi, chính quyền chưa nằm trong tay những người cách mạng. Quân đội thường trực đang trong quá trình xây dựng, chưa được huấn luyện bao nhiêu. Phần lớn cán bộ chỉ huy chưa có hiểu biết về quân sự và kinh nghiệm chiến đấu. Trang bị vũ khí rất thô sơ và thiếu thốn, chủ yếu là giáo mác, dao găm, mã tấu, một ít súng trường, súng máy.

Mặt trận dân tộc thống nhất tuy phát triển rộng rãi, nhưng chưa được củng cố vững chắc; kẻ thù lại đang ra sức thực hiện âm mưu chia rẽ, lôi kéo... Do đó, vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo đang là những vấn đề lớn được đặt ra rất bức thiết lúc đó.

Nguy cơ lớn nhất đối với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lúc mới thành lập là nạn ngoại xâm. Ở phía Bắc vĩ tuyến 160, hơn 20 vạn quân Tưởng đã ồ ạt kéo vào nước ta. Núp dưới

đánh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, quân Tưởng nuôi dã tâm: tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, phá tan Việt Minh, lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh và dựng lên một chính quyền tay sai. Bởi vậy, khi vào nước ta, quân Tưởng kéo theo các tổ chức phản cách mạng như Việt Nam Quốc Dân đảng (Việt Quốc) do Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh cầm đầu và Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) do Nguyễn Hải Thần cầm đầu. Quân Tưởng buộc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện chế độ trưng thu lương thực để mỗi tháng phải cung cấp cho chúng 10.000 tấn gạo, trong khi nhân dân Bắc Bộ đang phải chịu hậu quả nạn đói khủng khiếp chưa từng có trong lịch sử đất nước. Dựa vào quân Tưởng, các tổ chức Việt Quốc, Việt Cách ra sức chống phá chính quyền cách mạng. Chúng tiến hành nhiều hoạt động vu cáo, nói xấu Việt Minh, ngang nhiên đòi gạt các bộ trưởng là đảng viên cộng sản ra khỏi Chính phủ. Chúng còn gây ra các vụ giết người, cướp của, bắt cóc cán bộ, cướp chính quyền ở một số địa phương (Yên Bái, Vĩnh Yên, Móng Cái...).

Ở phía Nam vĩ tuyến 16, tình hình còn nghiêm trọng hơn. Thực dân Pháp ngày càng lộ rõ ý đồ trở lại xâm chiếm Việt Nam.

Ngày 17-8-1945, Ủy ban Quốc phòng Pháp quyết định thành lập lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông (sau đổi là đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông) đưa sang Đông Dương. Tướng Loelec (Leclerc) được cử làm Tổng chỉ huy lực lượng quân Pháp ở Viễn Đông. Đô đốc Đácgiăngliơ (D' Argenlieu) được cử làm Cao uỷ kiêm Tổng Tư lệnh Hải quân Pháp ở Viễn Đông. Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương được cải tổ thành Ủy ban Đông Dương do Đờ Gôn (De Gaulle) làm Chủ tịch.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước. Thực dân Pháp không còn chỗ đứng ở Đông Dương nhưng vẫn không chịu từ bỏ âm mưu đặt lại ách thống trị thực dân kiểu cũ trên bán đảo này.